

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HNGĐ
Ngày: 31-3-2025
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Hùng;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2025; về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21-3-2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nga M, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

Bị đơn: Anh Bùi Phú Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: X đường số B, phường H, quận T1, thành phố M1 (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nga M trình bày:

Năm 2011, chị kết hôn với anh Bùi Phú Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T1, thành phố M1, trong quá trình sống chung chị với anh Q có 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016 đang sống chung với chị.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới chị với anh Q sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn, anh Q không quan tâm lo lắng cho gia đình, từ đó cuộc sống hôn nhân luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mâu thuẫn,

nên chị với anh Q không có sống chung từ năm 2021 đến nay, không đoàn tụ được.

Chị Nguyễn Thị Nga M yêu cầu:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Bùi Phú Q.

Về con chung: Chị Nga M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016, không yêu cầu anh Bùi Phú Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Bùi Phú Q trình bày: Năm 2011, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Nga M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T1, thành phố M1, trong quá trình sống chung anh với chị Nga M có 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016, hiện tại 03 con chung đang sống chung với chị Nga M.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung: Vợ chồng sống chung với nhau không hạnh phúc, không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, dẫn đến sống chung với nhau không hạnh phúc, anh với chị Nga M không còn sống chung từ năm 2021 đến nay, không hàn gắn, đoàn tụ được, anh đồng ý ly hôn với chị Nga M.

Về con chung: Anh đồng ý giao 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Nga M nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh con CCCD (photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Bùi Phú Q đồng ý giao 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Nga M nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 03 con chung, anh Bùi Phú Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nga M không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nga M khởi kiện tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Anh Bùi Phú Q có địa chỉ thường trú tại số X đường số B, phường H, quận T1, thành phố M1 và đang chấp hành án tại Trại giam X1, huyện Đ1, tỉnh Ph, cho nên anh Bùi Phú Q và chị Nguyễn Thị Nga M có đơn yêu cầu lựa chọn Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh giải quyết, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, huyện T1, thành phố M1 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị Nga M với anh Q là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Nga M và anh Q đều xác định tình trạng hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc cho nên chị M với anh Q không còn sống chung vợ chồng từ năm 2021 đến nay, hai người xác định vợ chồng không hàn gắn, đoàn tụ được cùng thống nhất thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nga M với anh Q.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q khai, thời gian sống chung chị Nga M với anh Q có 03 người con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016 đang sống chung với chị Nga M, chị Nga M có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 chung. Anh Q cũng đồng ý giao 03 con chung cho chị Nga M nuôi dưỡng, qua ý kiến của cháu Bùi Phú Q1, Bùi Quang A và Bùi Phú C có nguyện vọng sống chung với chị Nga M. Sự thỏa thuận về quyền nuôi con chung của chị Nga M với anh Bùi Phú Q là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do chị Nga M không yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q thống nhất khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nga M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Nga M.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q.

2. Về con chung: Anh Bùi Phú Q đồng ý giao 03 con chung tên Bùi Phú Q1, sinh ngày 16/10/2011, Bùi Quang A, sinh ngày 13/01/2014 và Bùi Phú C, sinh ngày 05/8/2016 cho chị Nguyễn Thị Nga M nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 03 con chung; Anh Bùi Phú Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Nguyễn Thị Nga M không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nga M với anh Bùi Phú Q thống nhất khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Nga M phải chịu 300.000 đồng án phí, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006069, ngày 10-3-2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh. Chị Nga M đã nộp đủ án phí.

Anh Bùi Phú Q không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND phường Hưng Bình;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm